| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023.
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH– TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Thu Thương.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Đình Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1124/2022/QĐXX.ST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 1069/2022/QĐHPT ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Gia T, sinh năm 1999

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Đa, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ tạm trú: 446/27/9/4 đường Lý Thái Tổ, ấp Bến Cam, xã P, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Chị Ngô Thị Tr, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai

(Anh Tài vắng mặt, chị Tr vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 30/08/2022, anh Lê Gia T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Đồng Nai giải quyết xin được ly hôn với chị Ngô Thị Tr. Lý do xin ly hôn, theo anh Tài trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, đến năm 2019 anh và chị Tr tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày

25/11/2019). Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 01 cháu tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 15/11/2017. Sau khi ly hôn, anh Tài đồng ý giao con chung cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Tài cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Ngô Thị Tr, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Tr vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án nhân dân huyện Nh không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị Tr vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng, còn bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với chị Tr để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm chị Tr vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị Tr đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh Tài, chị Tr đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tài, giải quyết cho anh Tài được ly hôn với chị Tr để trả tự do cả hai.

Về con chung: Có 01 cháu tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 15/11/2017. Sau khi ly hôn, giao cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời anh Tài cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Tài phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lê Gia T xin ly hôn với chị Ngô Thị Tr có địa chỉ cư trú tại: ấp 3, xã Long Thọ, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Nh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Ngô Thị Tr, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng chị Tr vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Gia T và chị Ngô Thị Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 25/11/2019 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, theo anh Tài trình bày vợ chồng chỉ sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, nên không có hạnh phúc. Qua kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh Tài và chị Tr thì được biết mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ do không có báo với địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với chị Tr để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị Tr vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị Tr đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Tr, anh Tài đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tài, giải quyết cho anh Tài được ly hôn với chị Tr để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: Có 01 cháu tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 15/11/2017. Sau khi ly hôn, giao cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời anh Tài cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo anh Tài trình bày tài sản chung không có; nợ chung không có. Tuy nhiên, do chị Tr vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Tài phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với phần phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nh tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án như trên. Xét thấy, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 227; điều 228, điều 238 Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của anh Lê Gia T

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Gia T được ly hôn với chị Ngô Thị Tr.

2. Về con chung: : Có 01 cháu tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 15/11/2017. Sau khi ly hôn, giao cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời anh Tài cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Anh Lê Gia T có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Anh Lê Gia T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nh, theo biên lai thu số 00008336 ngày 03/10/2022. Anh Tài phải tiếp tục nộp 300.0000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nh, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Lê Gia T và chị Ngô Thị Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Nh (2);
- THADS huyện Nh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND xã Long Thọ, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**Phan Thị Thu Thương**